

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1503/TT-STP ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Tờ trình số 1602/TTr-STP ngày 18 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung 36 thủ tục hành chính (trong đó 31 thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch 05 thủ tục hành chính lĩnh vực quốc tịch). Nội dung được công bố tại Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024

của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch và Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Chi tiết, có phụ lục I đính kèm

2. Phê duyệt 08 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đối với trường hợp UBND cấp huyện ủy quyền cho Phòng Tư pháp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch. Chi tiết, có phụ lục II đính kèm.

3. Bãi bỏ 17 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông đã được phê duyệt tại Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. Chi tiết, có phụ lục III đính kèm

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính, niêm yết, công khai đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn tiếp nhận, luân chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính, quy trình điện tử tại Điều 1 Quyết định này trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC (2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH				
1.	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).	100.000 đồng. Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam (Nghị định số 16/2020/NĐ-CP); - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch (Thông tư số 02/2020/TT-BTP); - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (Thông tư số 281/2016/TT-BTC);

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Thông tư số 264/2016/TT-BTC);</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP).</p>
2.	Nhập quốc tịch Việt Nam	Trong thời hạn 115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).	3.000.000 đồng Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương,	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP.</p>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>	
3.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).	<p>2.500.000 đồng.</p> <p>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</p> <p>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</p> <p>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP.</i></p>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</p>	
4.	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Trong thời hạn 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).	2.500.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP.</i>
5.	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; 	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).	<p>100.000 đồng</p> <p>Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP.</i>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.		kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
1.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh đối với trẻ em sinh ra ở Việt Nam trong các trường hợp: + Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch. + Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: + Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. + Đăng ký khai sinh đúng hạn.	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP); - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Nghị định số 87/2020/NĐ-CP); - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>người kia là công dân Việt Nam định cư nước ngoài.</p> <p>+ Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>+ Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của trẻ em có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh đối với trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam.</p>		<p>tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (Nghị định số 104/2022/NĐ-CP);</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 01/2022/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP);</p>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP);</p> <p>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQHĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQHĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND);</p>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND).
2.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên.	1.000.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
3.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú 	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc.	cuối cùng của người chết.		
4.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con.	1.000.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND); - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
5.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 55.000 đồng/lần đối với việc đăng ký khai sinh; 1.000.000 đồng/lần đối với đăng ký nhận cha, mẹ, con (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27,500 đồng/lần đối với việc đăng ký khai sinh; 500.000 đồng/lần đối với đăng ký nhận cha, mẹ, con 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
6.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người	55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
7.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký giám hộ.	55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
8.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài giải quyết việc cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch của người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân</p>	<p>25.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí trong những trường hợp sau: người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.</p>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước; xác định lại dân tộc.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử trong Trích lục khai tử hoặc Giấy chứng tử.</p> <p>Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc mà việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp thì thẩm quyền giải quyết được xác định như sau:</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay</p>		

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; + Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người đó thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.		
9.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP;</i> - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
10.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn hoặc ghi vào Sổ hộ tịch việc kết	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		<p>hôn trước đây thực hiện ghi chú ly hôn. Trường hợp việc kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây thực hiện tại Sở Tư pháp thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện.</p> <p>- Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện.</p> <p>- Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của công dân Việt Nam thực hiện.</p>	<p>trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.</p>

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>Công dân Việt Nam từ nước ngoài về thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi chú ly hôn mà việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi công dân Việt Nam thường trú thực hiện.</p> <p>- Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu ghi chú ly hôn để kết hôn mới mà việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ kết hôn mới thực hiện.</p> <p>Trường hợp công dân Việt Nam không</p>		

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn để làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi đăng ký kết hôn mới.		
11.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP;</i> - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thực hiện đăng ký lại khai sinh;</p> <p>Trường hợp việc khai sinh trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên;</p> <p>Trường hợp khai sinh trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì việc đăng ký lại khai sinh thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện.</p>	<p>55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP;</i> - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của người Việt Nam định cư tại nước ngoài.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
14.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây; Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện; Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì	1.000.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp.		
15.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đăng ký khai tử cho người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư tại nước ngoài trước đây thực hiện việc đăng ký lại khai tử; Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện đăng ký lại khai tử; Trường hợp việc đăng	55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP;</i> - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người yêu cầu không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp.		

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	5.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đối với trường hợp:	- Bộ luật Dân sự; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		việc tiếp theo.	nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.	+ Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. + Đăng ký khai sinh đúng hạn.	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i> ; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
2.	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i> .
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.		đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i> ; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	15.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 7.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đối với trường hợp: Người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Miễn phí khai sinh đối với đăng ký khai sinh đúng hạn.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i> ; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
5.	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	5.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trong ngày làm việc tiếp theo.		* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: + Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; + Đăng ký khai tử đúng hạn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
6.	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ.	- 5.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND.
7.	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nơi cư trú của hai bên nam, nữ.	Miễn lệ phí.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>;
8.	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 5.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC. - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND.
9.	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>.
10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP.</i>
11.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	<p>10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).</p> <p>* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP;</i> - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
12.	Cấp Giấy xác nhận tình hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP;

Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				* Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
13.	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú.	5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
14.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký khai sinh thường trú.	5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

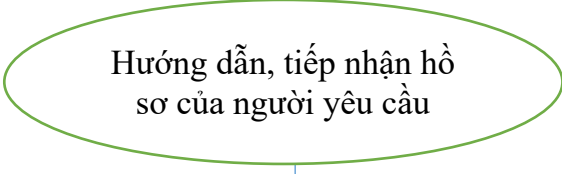
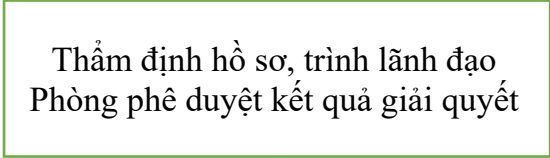
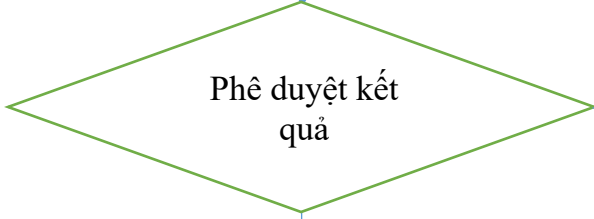
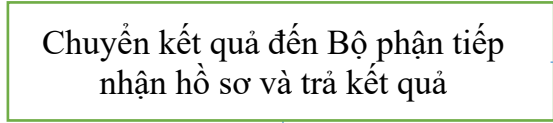
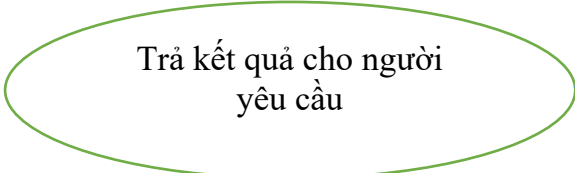
Stt	Tên thủ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15.	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại kết hôn thường trú.	25.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.
16.	Đăng ký lại khai tử	Trong thời hạn 05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây.	5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); là 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP</i>; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỘ
TỊCH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

1. Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài:

1.1. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên kể từ ngày Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	½ ngày làm việc
B2		Chuyên viên Phòng Tư pháp	3,5 ngày làm việc đối với giám hộ cũ/1,5 ngày làm việc đối với giám hộ đương nhiên
B3		Trưởng Phòng Tư pháp	1/2 ngày làm việc
B4		Chuyên viên Phòng Tư pháp	1/2 ngày làm việc
B5		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương (<https://dichvucong.haiduong.gov.vn>).

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu nộp phí theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người yêu cầu và chuyển cho phòng Trường phòng Tư pháp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người yêu cầu. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện ký văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ

b) Thẩm định và giải quyết hồ sơ:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, Lãnh đạo Phòng Tư pháp phân công một công chức của Phòng thẩm định hồ sơ đăng ký giám hộ.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Phòng Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 3,5 ngày làm việc đối với giám hộ cử/1,5 ngày làm việc đối với giám hộ đương nhiên, công chức làm công tác hộ tịch xác minh, nếu thấy yêu cầu đăng ký giám hộ đủ điều kiện theo quy định pháp luật, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, thì công chức thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, in Trích lục đăng ký giám hộ, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Tư pháp xem xét, phê duyệt kết quả.

Trong 1/2 ngày làm việc Trưởng phòng Tư pháp xem xét kết quả thẩm định, ký Trích lục đăng ký giám hộ.

Trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Trưởng phòng Tư pháp phê duyệt kết quả, công chức Phòng Tư pháp chuyển hồ sơ/kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết.

c) Trả kết quả:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu đăng ký giám hộ kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký giám hộ, trong Sổ đăng ký đăng ký giám hộ, ký tên vào Sổ đăng ký giám hộ.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả Trích lục đăng ký giám hộ cho người yêu cầu.

2. Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài:

2.1. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Ngay sau khi tiếp nhận
B2	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo phòng Phê duyệt kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Tư pháp	01 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	1/2 ngày làm việc
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	1/2 ngày làm việc
B5	Trả kết quả cho người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương (<https://dichvucong.haiduong.gov.vn>).

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu nộp phí theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người yêu cầu và chuyển cho Lãnh đạo phòng Tư pháp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người yêu cầu. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung,

hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu.

b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, Lãnh đạo Phòng Tư pháp phân công một công chức của Phòng thẩm định hồ sơ đăng ký giám hộ.

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ, Phòng Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, công chức Phòng Tư pháp thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, cập nhật thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, in Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ; chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Tư pháp kiểm tra.

Trong ½ ngày làm việc, kể từ khi công chức Phòng Tư pháp trình hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp xem xét kết quả thẩm định, ký Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ.

- Trong thời hạn ½ ngày làm việc kể từ khi Trưởng phòng Tư pháp phê duyệt kết quả, chuyên viên Phòng Tư pháp chuyển hồ sơ/kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết.

c) Trả kết quả:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn người đi đăng ký chấm dứt giám hộ kiểm tra thông tin trên Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ, trong Sổ đăng ký đăng ký chấm dứt giám hộ, ký tên vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ và trả Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ cho người yêu cầu.

3. Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài:

3.1. Thời hạn giải quyết: 15 ngày tính từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	½ ngày
B2	Tiến hành niêm yết, xác minh và thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Tư pháp	12 ngày (thời gian niêm yết tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi thường trú 07 ngày)
B3	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	02 ngày
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	½ ngày
B5	Trả kết quả cho cá nhân, hướng dẫn công dân ký vào sổ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

3.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Cá nhân có thẩm quyền yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân.

b) Quy trình thẩm định, ký duyệt hồ sơ:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyên đến, Chuyên viên Phòng Tư pháp giải quyết hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của công dân.

Nếu hồ sơ hợp lệ thời hạn 12 ngày công chức làm công tác hộ tịch xác minh, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 07 ngày liên tục, đồng thời gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết trong thời gian 07 ngày liên tục tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; in biểu mẫu Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có yêu cầu).

Trong thời hạn 02 ngày Trưởng phòng Tư pháp xem xét kết quả giải quyết, ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có).

Trong ½ ngày Trưởng phòng Tư pháp ký kết quả, Chuyên viên Phòng Tư pháp chuyển hồ sơ/Sổ hộ tịch đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đồng thời chuẩn bị tổ chức đăng ký Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con vào thời điểm ghi trên phiếu hẹn.

c) Trả kết quả:

Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt, Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, cùng các bên ký vào Sổ hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trả là Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con bản sao (nếu có) cho người yêu cầu.

4. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài:

4.1. Thời hạn giải quyết: 12 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	½ ngày
B2	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Tư pháp	10 ngày
B3	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	01 ngày
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	½ ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

4.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyên đến, Chuyên viên Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ:

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

Nếu hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung vào Sổ hộ tịch; in Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có yêu cầu). Báo cáo Trưởng phòng Tư pháp phê duyệt kết quả trong thời hạn 10 ngày.

Trong thời hạn 01 ngày Trưởng phòng Tư pháp xét duyệt hồ sơ, ký Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có).

Trong thời hạn ½ ngày, Chuyên viên Phòng Tư pháp chuyển Sổ hộ tịch, Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trả kết quả:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn ký Sổ hộ tịch và trả kết quả là Trích lục ghi chú kết hôn và Trích lục ghi chú kết hôn bản sao (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

- Ngay sau khi tổ chức, cá nhân ký Sổ đăng ký kết hôn, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển trả Sổ hộ tịch Phòng Tư pháp để cập nhật thông tin vào phần mềm.

5. Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài:

5.1. Thời hạn giải quyết: 12 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Thực hiện ngay
B2	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Tư pháp	10 ngày
B3	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	01 ngày
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	½ ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

5.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển về Phòng Tư pháp trong thời hạn ½ ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, chuyên viên Phòng Tư pháp thẩm định hồ sơ

Nếu hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tư pháp dự thảo văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung vào Sổ hộ tịch; in Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có yêu cầu). Phòng Tư pháp báo cáo Trưởng phòng Tư pháp phê duyệt kết quả trong thời hạn 10 ngày.

Trưởng phòng Tư pháp xét duyệt hồ sơ, ký Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có) trong thời hạn 01 ngày và chuyển cho Chuyên viên Phòng Tư pháp để nhập thông tin vào phần mềm.

- Trong thời hạn ½ ngày, Chuyên viên Phòng Tư pháp chuyển kết quả là Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trả kết quả:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả Trích lục ghi chú ly hôn và Trích lục ghi chú ly hôn bản sao (nếu có) cho tổ chức, cá nhân là người yêu cầu.

6. Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch):

6.1. Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.

6.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Ngay sau khi tiếp nhận
B2	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Tư pháp	01 giờ (Trường hợp cần xác minh: 03 ngày làm việc)
B3	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	1/2 giờ
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	Ngay sau khi tiếp nhận
B5	Trả kết quả cho người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

6.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<https://dichvucong.haiduong.gov.vn>).

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu nộp phí theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận

hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người yêu cầu (nếu có) và chuyển cho Lãnh đạo phòng Tư pháp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người yêu cầu. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu.

b) Thẩm định hồ sơ, ký duyệt hồ sơ:

Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, Chuyên Phòng thẩm định hồ sơ.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 1/2 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Phòng Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu thông tin đầy đủ và phù hợp thì trong thời hạn 01 giờ, công chức hộ tịch thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo hình thức trực tiếp, thì công chức làm công tác hộ tịch thực hiện việc ghi nội dung ghi chú vào Sổ hộ tịch, cập nhật thông tin ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo Phòng Tư pháp kiểm tra.

Trường hợp hồ sơ cần xác minh thì công chức báo cáo lãnh đạo Phòng Tư pháp phương án xác minh và tiến hành trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, sau đó thực hiện việc ghi nội dung ghi chú vào Sổ hộ tịch, cập nhật thông tin ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in biểu mẫu Trích lục ghi chú; chuyển hồ sơ, biểu mẫu cho Lãnh đạo Phòng Tư pháp kiểm tra.

Trong thời hạn ½ giờ kể từ khi công chức Phòng Tư pháp trình hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp ký Trích lục ghi chú.

- Ngay sau khi Trưởng phòng Tư pháp ký duyệt hồ sơ, công chức Phòng Tư pháp chuyển hồ sơ/kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trả kết quả:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn người yêu cầu ký vào Sổ hộ tịch và trả kết quả là Trích lục ghi chú vào sổ hộ tịch cho người yêu cầu.

7. Cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

7.1. Thời hạn giải quyết:

Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

7.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Ngay sau khi tiếp nhận
B2	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Tư pháp	01 giờ
B3B	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	1/2 giờ
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	Ngay sau khi tiếp nhận
B5	Trả kết quả cho người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

7.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương (<https://dichvucong.haiduong.gov.vn>).

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu nộp lệ phí hộ tịch theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp

nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người yêu cầu và chuyển cho Phòng Tư pháp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người yêu cầu. Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.

b) Thẩm định và giải quyết hồ sơ:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, chuyên viên Phòng Tư pháp tiến hành thẩm định hồ sơ.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 1/2 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ, Phòng Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện

Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 01 giờ khi thông tin đầy đủ và phù hợp thì Phòng Tư pháp kiểm tra hồ sơ, in Trích lục hộ tịch (bản sao) và báo cáo Trưởng phòng Tư pháp xét duyệt hồ sơ, ký Trích lục hộ tịch (bản sao).

Trong thời hạn 1/2 giờ từ khi công chức Phòng Tư pháp trình hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp ký duyệt hồ sơ.

- Ngay sau khi Trưởng phòng Tư pháp ký duyệt hồ sơ, Chuyên viên Phòng Tư pháp ghi nội dung vào Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch và nhập thông tin vào Phần mềm quản lý hộ tịch; chuyển Trích lục hộ tịch (bản sao) cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trả kết quả:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả là Trích lục hộ tịch (bản sao) cho người yêu cầu.

8. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc:

8.1. Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.

8.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Ngay sau khi tiếp nhận
B2	Thẩm định hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Tư pháp	01 giờ đối với việc bổ sung hộ tịch/ 02 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc (<i>Trường hợp cần xác minh: 05 ngày làm việc</i>)
B3	Phê duyệt kết quả	Trưởng Phòng Tư pháp	1/2 giờ đối với việc bổ sung hộ tịch/ 01 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc
B4	Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Chuyên viên Phòng Tư pháp	Ngay sau khi tiếp nhận
B5	Trả kết quả cho người yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Không tính thời gian

8.3. Diễn giải sơ đồ:

a) Tiếp nhận hồ sơ:

- Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương (<https://dichvucong.haiduong.gov.vn>).

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ. Nếu đã đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu nộp phí theo quy định (nếu có); tiến hành tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho người yêu cầu (nếu có) và chuyển cho Lãnh đạo phòng Tư pháp ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người yêu cầu. Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu.

b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, chuyên viên Phòng thẩm định hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 1/2 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Phòng Tư pháp có văn bản trả lời trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung và thời hạn sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

Nếu hồ sơ hợp lệ:

+ Đối với đăng ký bổ sung hộ tịch: Trong thời gian 01 giờ làm việc, kể từ khi nhận được nhận hồ sơ, công chức làm công tác hộ tịch nếu thấy yêu cầu bổ sung hộ tịch là đúng quy định pháp luật thì ghi thông tin vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, cập nhật bổ sung thông tin hộ tịch và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục đăng ký bổ sung thông tin hộ tịch.

+ Đối với đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc: Trong thời hạn 02 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn là 05 ngày làm việc), công chức làm công tác hộ tịch thẩm định hồ sơ, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan thì việc ghi vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, cập nhật thông tin đăng ký thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc và lưu chính thức trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung; in Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc báo cáo lãnh đạo phòng phê duyệt kết quả giải quyết.

Trong 1/2 giờ đối với việc bổ sung hộ tịch/01 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc Trưởng phòng Tư pháp xem xét kết quả thẩm định ký Trích lục hộ tịch.

- Ngay sau khi Trưởng phòng Tư pháp phê duyệt kết quả, công chức Phòng Tư pháp chuyển hồ sơ/kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Trả kết quả:

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hướng dẫn người có yêu cầu kiểm tra thông tin trên Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc, trong Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, ký tên vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc và trả Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc cho người yêu cầu.

Phụ lục III
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
2.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
3.	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	
4.	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	
5.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần	
6.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	
7.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
8.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
9.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
10.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007	

11.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	
12.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	
13.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	
14.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007	
15.	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	
16.	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	
17.	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	